

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn
giao thông đường bộ năm 2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) tại Tờ trình số 189/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ năm 2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Yên Bái;
- Báo Yên Bái; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

**Chi tiết nội dung của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm
2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái**

*(Kèm theo Quyết định số: 5 /2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; thời gian vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ, vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị; tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị; thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 6 điều 35; khoản 4, khoản 5 điều 44; khoản 2 điều 47; khoản 2 điều 48 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải chở người, chở hàng hóa bằng xe thô sơ, xe bốn bánh có gắn động cơ; vận tải đường bộ trong đô thị, vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật; sử dụng xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

2. Quy định này không áp dụng đối với xe Quân đội, Công an phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; xe làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, chở người bị nạn đi cấp cứu, đưa người ra khỏi khu vực nguy hiểm hoặc các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

**PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA XE THÔ SƠ, XE CHỞ HÀNG BỐN BÁNH
CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỞ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ
VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH BẰNG
XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN
HÀNG HÓA BẰNG XE CHỞ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Điều 3. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ

1. Xe thô sơ được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc và các tuyến đường cấm hoặc hạn chế lưu thông theo quy định.

2. Xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật (bao gồm cả các loại xe tương tự) được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ trong phạm vi đô thị, khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí; trừ đường cao tốc và các tuyến đường cấm hoặc hạn chế lưu thông theo quy định.

Điều 4. Phạm vi hoạt động của xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

1. Đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, chỉ tổ chức hoạt động trên các tuyến đường có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 30 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông.

2. Đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, chỉ tổ chức hoạt động trên các tuyến đường có đặt biển báo tốc độ khai thác tối đa 50 km/h áp dụng cho tất cả các phương tiện tham gia giao thông, cơ quan quản lý chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát chặt chẽ lịch trình, thời gian và phạm vi hoạt động của xe bốn bánh có gắn động cơ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

1. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ được vận chuyển hàng hóa hoạt động 24/24 giờ trong ngày theo phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được vận chuyển hành khách 24/24 giờ trong ngày theo phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này; trong phạm vi khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp được lưu thông theo thời gian hoạt động do đơn vị quản lý khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp quy định.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ VÀ TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 6. Quy định hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải phải có giấy phép kinh doanh vận tải do Sở Xây dựng cấp và không bị thu hồi Giấy phép kinh doanh vận tải do vi phạm các quy định của pháp luật.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ đối với từng loại phương tiện theo quy định tại Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

đ) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp biển hiệu, phù hiệu theo quy định của Bộ Xây dựng phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

e) Hoạt động vận tải trong đô thị phải thực hiện theo phương án tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ về thời gian hoạt động trong ngày đối với khu đô thị (nếu có). Trong quá trình tổ chức và tham gia giao thông, có các biện pháp đảm bảo giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường; nghiên cứu, triển khai đồng bộ cơ sở dữ liệu, gắn “Thẻ đầu cuối” để thực hiện thanh toán điện tử giao thông theo lộ trình tại Nghị định 119/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ.

Điều 7. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Quy định chung:

a) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng trong đô thị thực hiện lộ trình chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện và năng lượng xanh theo Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải”.

c) Các phương tiện vận tải hành khách phải có dụng cụ thu gom rác thải của hành khách đi trên xe để chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

2. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

a) Thực hiện quản lý vận tải hành khách bằng xe buýt được quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Xe buýt hoạt động đúng tuyến, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định;

b) Tuân thủ theo phương án phân luồng, tổ chức giao thông trong đô thị trong trường hợp tạm thời cấm phương tiện hoạt động trên tuyến đường có lộ trình tuyến đi qua để phục vụ mục đích khác. Trường hợp tuyến đường đó bị cấm hẳn ô tô khách hoạt động thì đơn vị vận tải chủ động đề xuất với Sở Xây dựng để có phương án điều chỉnh lộ trình tuyến cho phù hợp.

3. Hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

Thực hiện quy định đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi quy định tại Điều 25, Điều 26, Điều 27 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Xe taxi đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe, chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi đón, trả hành khách.

4. Xe chở khách bốn bánh có gắn động cơ khi hoạt động trong các khu đô thị (đặc biệt là các điểm du lịch), lái xe có thái độ văn minh, lịch sự khi giao tiếp với hành khách, không bật nhạc to nơi công cộng làm ảnh hưởng tiếng ồn; không tranh giành khách, ép khách đi xe; không chở quá số người được phép chở; thực hiện nghiêm các quy định về giá cước, không được tự ý tăng giá vé vào các dịp nghỉ Lễ, Tết, ngày cao điểm; tuân thủ nghiêm các quy định về phạm vi, tuyến đường và thời gian được phép hoạt động.

Điều 8. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe ô tô vận chuyển hành khách, hàng hóa theo quy định tại Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 35 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Phạm vi hoạt động vận chuyển hàng hóa phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng hoặc theo thỏa thuận giữa chủ hàng và chủ phương tiện (trừ các khu vực cấm). Phương tiện đỗ xe để xếp, dỡ hàng hóa không làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông; không vi phạm quy định dừng, đỗ theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; vị trí đỗ xe phải thuận tiện cho việc tập kết và vận chuyển hàng hóa.

3. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trong đô thị tuân thủ các quy định về tổ chức giao thông đô thị tại địa phương (nếu có) về tuyến đường hoạt động, phương án phân luồng giao thông và thời gian hoạt động của các loại phương tiện.

Điều 9. Hoạt động vận tải xe môi trường, xe ô tô chở phé thải rời

1. Xe ô tô chở phé thải rời đảm bảo các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Xe vệ sinh môi trường đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27, Điều 34, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu an toàn, kỹ thuật theo quy định.

Điều 10. Hoạt động vận tải nội bộ

Xe ô tô vận tải người nội bộ, vận tải hàng nội bộ có phù hiệu “XE NỘI BỘ” do Sở Xây dựng cấp được vận chuyển cán bộ, công nhân viên, người lao động hoặc học sinh, sinh viên của đơn vị mình; các vị trí đón, trả người nội bộ đảm bảo an toàn giao thông và không vi phạm quy định dừng, đỗ xe; không được sử dụng xe nội bộ để kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa hoặc cho thuê để vận chuyển hành khách, hàng hóa.

Điều 11. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật

1. Đến năm hết năm 2030, doanh nghiệp, hợp tác xã có từ 05 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt trong đô thị, đảm bảo tối thiểu 20% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện xe khách tuyến cố định và xe buýt của đơn vị.

2. Phương tiện vận chuyển hành khách có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật phải có chỗ dành riêng cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai, đồng thời ghi rõ số ghế ưu tiên. Số lượng ghế ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai đạt tối thiểu 02 ghế ngồi trên 01 phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, xe buýt có sức chứa từ 16 ghế ngồi trở lên, trong đó có ít nhất 01 (một) chỗ ngồi dành cho người khuyết tật.

3. Khi thiết kế, chế tạo, cải tạo và vận hành các phương tiện giao thông công cộng để phục vụ người khuyết tật phải tuân thủ theo hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 82:2019/BGTVT do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 26/2019/TT-BGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2019 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận,

sử dụng và 05 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ tùng, linh kiện ô tô, mô tô, xe gắn máy.

Chương IV

THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA XE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, XE Ô TÔ CHỖ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, PHÉ THẢI RỜI TRONG ĐÔ THỊ

Điều 12. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường

1. Xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoạt động trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh hoạt động theo khung giờ: Buổi sáng từ 08 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ; buổi tối từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau.

2. Xe vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường hoạt động trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh hoạt động theo khung giờ: Buổi sáng từ 08 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ; buổi tối từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau.

3. Xe vận chuyển chất thải nguy hại hoạt động trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh hoạt động từ 19 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau.

4. Các xe vệ sinh môi trường không thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này hoạt động 24/24 giờ trong ngày.

5. Trong trường hợp cấp thiết hoặc các ngày cao điểm cần đảm bảo vệ sinh môi trường, các phương tiện phục vụ công tác vệ sinh môi trường hoạt động 24/24 giờ trong ngày.

Điều 13. Thời gian hoạt động của xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời (bao gồm cả xe chở đất) có trọng tải dưới 3,5 tấn được phép hoạt động 24/24 giờ trong ngày và thực hiện theo phương án tổ chức giao thông hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Xe có trọng tải từ trên 3,5 tấn hoạt động theo khung giờ: Buổi sáng từ 08 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ, buổi tối từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau; đối với xe tải có thiết kế từ 03 trục trở lên không đi vào trung tâm thành phố Yên Bái trừ các trường hợp đặc biệt được cấp phép vào thành phố theo giờ. Cụ thể:

- Các phương tiện vận tải hàng nguyên đai, nguyên kiện, hàng không thể tháo rời, hàng tươi sống, nhu yếu phẩm phục vụ đời sống, có nhu cầu vào trung tâm thành phố được cấp phép vào thành phố theo giờ, theo tuyến, theo chuyến để bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố (*Đơn xin cấp phép theo mẫu Phụ lục 01; Giấy cấp phép theo Phụ lục 02 kèm theo Quy định này*)

- Về thời gian ra vào thành phố: Vào thành phố từ 21 giờ ngày hôm trước, ra khỏi thành phố trước 06 giờ ngày hôm sau.

Chương V
SỬ DỤNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY, XE THÔ SƠ ĐỂ KINH DOANH
VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA

Điều 14. Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Người điều khiển xe mô tô xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và thực hiện theo các quy định sau:

a) Đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người điều khiển phương tiện chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Không chở hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa cấm lưu hành, động vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường.

c) Đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa có đơn hoặc văn bản thông báo gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi tổ chức, cá nhân đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú (tạm trú) hoặc nơi hoạt động kinh doanh. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổng hợp danh sách, theo dõi số lượng tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn quản lý.

3. Không sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ làm quầy bán hàng lưu động trên đường trong đô thị.

Điều 15. Điều kiện tham gia giao thông đường bộ của xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa

Xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 16. Quy định về giới hạn chiều cao, chiều rộng và chiều dài xếp hàng hóa lên xe thô sơ

1. Việc xếp hàng hóa trên xe mô tô, xe gắn máy phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Việc xếp hàng hóa trên xe thô sơ phải thực hiện theo quy định tại khoản 5

Điều 31 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều 17. Phạm vi hoạt động của xe mô tô, xe gắn máy; thời gian hoạt động của xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Phạm vi hoạt động của xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ

a) Xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc và các tuyến đường cấm hoặc hạn chế lưu thông theo quy định.

b) Xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật (bao gồm cả các loại xe tương tự) được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí; trừ đường cao tốc và các tuyến đường cấm hoặc hạn chế lưu thông theo quy định.

2. Thời gian hoạt động của xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ

Xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ được phép hoạt động 24 giờ trong ngày; trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh) có quy định khác về thời gian, thực hiện theo các quy định đó.

Điều 18. Vị trí chờ đón, trả khách và xếp hàng hóa

1. Các đơn vị quản lý, kinh doanh khai thác bến xe, chợ, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, chủ động bố trí, quy định nơi đỗ xe, điểm chờ đón khách và xếp hàng hóa cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ trong phạm vi đất được giao quản lý.

2. Không tự ý tổ chức kinh doanh nơi đỗ xe, điểm chờ đón khách và xếp hàng hóa cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ.

**Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 19. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, thống kê các loại phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số (kể cả các phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số ở các địa phương khác đang hoạt động tại tỉnh Yên Bái) phục vụ cho công tác quản lý. Kết nối, chia sẻ thông tin từ hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe với các lực lượng chức năng trong địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phối hợp tuyên truyền, phổ biến Quy định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

đ) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan cho phù hợp.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương tổ chức giao thông trong phạm vi quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về điểm dừng, đón, trả khách và các bãi đỗ xe trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý; xác định vị trí xây dựng các nhà chờ (trạm dừng) bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc nguồn xã hội hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật tại mỗi thời điểm.

b) Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ khai thác tuyến của các doanh nghiệp vi phạm những quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe khách tuyến cố định. Hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách công cộng đảm bảo lộ trình thay thế phương tiện sử dụng năng lượng sạch theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật riêng đối với phương tiện vận tải cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng (trước tiên vận tải hành khách bằng xe buýt, tuyến cố định).

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định giá dịch vụ ra, vào bến xe khách trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải, quản lý và tổ chức hoạt động vận tải, nội dung Quy định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ triển khai các giải pháp, các ứng dụng (app), áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe qua ứng dụng di động); ưu tiên sử dụng hoặc tích hợp trên nền tảng dịch vụ đô thị thông minh phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hoá. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống camera thông minh phục vụ kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông.

b) Hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí tại địa phương phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn kê khai giá cước trong hoạt động kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng thẩm định giá dịch vụ ra, vào bến xe khách trên địa bàn tỉnh.

5. Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh

a) Tham mưu Ban An toàn giao thông tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, lực lượng chức năng, chính quyền địa phương triển khai thực hiện quyết định này.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này bằng các hình thức thích hợp đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố, thị xã thực hiện công tác quản lý liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức giao thông trên địa bàn quản lý; tham mưu UBND tỉnh về điểm dừng, đón, trả khách và các bãi đỗ xe trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức quản lý, theo dõi, thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ trên địa bàn quản lý; định kỳ 6 tháng, tổng kết năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; đồng thời hướng dẫn các tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước.

d) Quy định vị trí tập kết rác thải tập trung, địa điểm tập kết chất thải nguy hại trong đô thị bảo đảm thuận lợi cho việc bốc rác thải lên xe nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông; phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Phối hợp các cơ quan chức năng, cơ quan thông tin, truyền thông tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

Điều 20. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Yên Bái phải tuân thủ theo quy định pháp luật về giao thông đường bộ và Quy định này; mọi hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt (có từ 05 phương tiện trở lên) xây dựng Kế hoạch triển khai quy định về tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo Điều 11 Quy định này.

3. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô có trách nhiệm thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật, người cao tuổi.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo quy định tại Điều 15, Điều 23, Điều 28, Điều 32 và Điều 36 Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

2. Kiểm tra các điều kiện bảo đảm an toàn của xe trước khi khởi hành; kiểm tra việc sắp xếp, chằng buộc hành lý, hàng hóa bảo đảm an toàn.

3. Có biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của hành khách đi xe, giữ gìn trật tự, vệ sinh trong xe.

4. Thực hiện nghiêm việc dừng, đỗ xe; đón, trả khách đúng nơi quy định.

5. Có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai trong quá trình tham gia vận chuyển hành khách.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của hành khách trên xe

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của hành khách trên xe theo quy định tại Điều 16, Điều 24, Điều 29 Thông tư 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy vận chuyển, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe.

3. Hành khách đi trên xe phải giữ gìn vệ sinh chung, không được xả rác bừa bãi; không được mang theo những loại hàng hóa bị cấm lưu thông, công kênh, gây ô nhiễm môi trường, có khả năng lây nhiễm bệnh, súc vật sống, chất dễ cháy nổ.

4. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ và trẻ em.

Đối với người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai được ngồi tại những ghế ưu tiên trên xe và được giúp đỡ trong việc lên xuống xe khi đi xe.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời thông tin, báo cáo về cơ quan quản lý nhà nước về giao thông vận tải tỉnh để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Trong trường hợp trách nhiệm của các cơ quan được quy định tại Điều 19 Quy định này có sự điều chỉnh do sắp xếp tổ chức bộ máy thì thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành./.

Phụ lục 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP XE TẢI 03 TRỤC TRỞ LÊN VÀO
TRUNG TÂM THÀNH PHỐ YÊN BÁI.

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái.

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ :.....

Số điện thoại:.....Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy phép xe tải vào trung tâm thành phố Yên Bái cho phương tiện sau:

Loại xe:.....

Biển đăng ký (chữ in):

Nhãn hiệu phương tiện (chữ in):

Tải trọng:.....

Số trục của xe:..... Số trục sau của xe:.....

Số trục của sơ mi rơ moóc:

Loại hàng vận chuyển:.....

.....

Nơi đến:.....

Tuyến đường đi qua:.....

.....

Mục đích xin cấp giấy phép:.....

Thời hạn đề nghị cấp phép: Từ ngày hôm trước đến trước ngày hôm sau trong các ngày từ.....tháng.....năm 202 đến ngày.....tháng.....năm 202 .

Ngàytháng.....năm 202

Thủ trưởng đơn vị (cá nhân)

Ký tên (đóng dấu nếu có)

Phụ lục 2

Mã số: /202.../GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CẤP PHÉP

Xe tải từ 03 trục trở lên vào trung tâm thành phố Yên Bái

Căn cứ Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Xét đề nghị của.....

Cho phép xe tải vào trung tâm thành phố Yên Bái cho phương tiện sau:

Loại xe:.....

Biển đăng ký:.....

Nhãn hiệu phương tiện:.....

Trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông:.....(Trọng lượng bản thân:..... kg; Được phép kéo theo:.....kg).

Số trục của xe:.....Số trục sau của xe:.....

Số trục của sơ mi rơ moóc:.....

Loại hàng vận chuyển:.....

Nơi đến:.....

Thời gian cấp phép: Từ 21h00' ngày hôm trước đến trước 6h00' ngày hôm sau trong các ngày.....tháng.....năm 202... đến ngày.....tháng.....năm 202....

Yên Bái, ngày tháng năm 202...

SỞ XÂY DỰNG YÊN BÁI

GIẤY CẤP PHÉP

XE TẢI TỪ 03 TRỤC TRỞ LÊN VÀO TRUNG TÂM THÀNH PHỐ YÊN BÁI

Loại xe:.....

Biển đăng ký:.....

Loại hàng vận chuyển:.....

Nơi đến:.....

Tuyến đường đi qua:.....

.....

.....

.....

Thời gian cấp phép: Từ 21h00' ngày hôm trước đến trước 6h00' ngày hôm sau trong các ngày.....tháng.....năm 202.... đến ngày.....tháng.....năm 202....